[Mẫu số 29]

Khai Báo thành lập đăng ký sổ hộ khẩu
가족관계등록창설신고서

(Năm tháng ngày) (년 월 일)

※ Đọc kỹ hướng dẫn ở trang sau ,rồi điền dấu "○" vào số hạng mục thích hợp
신고서 작성시 아래의 작성방법을 참고하고, 선택항목에는 '영표(○)' 로 표시하기 바랍니다.

<table>
<tr><td rowspan="6">① Người thành lập đăng ký sổ hộ khẩu 가족관계 등록 창설자</td><td rowspan="2">Họ tên bản thân 본인 성명</td><td>Tiếng Hàn 한글</td><td></td><td rowspan="2">Nguồn gốc họ tộc (Chữ Hán) 본(한자)</td><td rowspan="2"></td><td>Giới tính 성별</td><td>1 Nam 남 2 Nữ 여</td></tr>
<tr><td>Chữ Hán 한자</td><td></td><td>Số chứng minh nhân dân 주민등록번호</td><td>-</td></tr>
<tr><td colspan="2">Nguyên quán 등록기준지</td><td colspan="5"></td><td>Ngày tháng năm sinh 출생연월일</td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">Địa chỉ 주 소</td><td colspan="5"></td></tr>
<tr><td rowspan="2">Cha mẹ</td><td>Cha 부</td><td>Họ tên 성명</td><td></td><td>Nguyên quán 등록기준지</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td>mẹ 모</td><td>Họ tên 성명</td><td></td><td>Số chứng minh nhân dân 주민등록번호</td><td colspan="3">-</td></tr>
<tr><td colspan="3">② Chi tiết liên quan đến bản thân 신분에 관한 사항</td><td colspan="6"></td></tr>
<tr><td colspan="3">③ Giấy phép hoặc ngày phiên tòa quyết định 허가 또는 재판확정일자</td><td colspan="2">Năm tháng ngày 년 월 일</td><td>Tên tòa án 법원명</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td colspan="3">④ Chi tiết khác 기타사항</td><td colspan="6"></td></tr>
<tr><td rowspan="3">⑤ Người khai báo 신고인</td><td>Họ tên 성명</td><td colspan="2">Đóng dấu hoặc ký tên 인 또는 서명</td><td colspan="2">Số chứng minh nhân dân 주민등록번호</td><td colspan="3">-</td></tr>
<tr><td>Quan hệ 자격</td><td colspan="7">1 Bản thân 2 Vợ hoặc chồng 3 Quan hệ ruột thịt 4 Khác (Quan hệ :)
1 본인 2 배우자 3 직계혈족 4 기타 (자격 :)</td></tr>
<tr><td>Địa chỉ 주소</td><td colspan="2"></td><td>Điện thoại 전화</td><td></td><td>e-mail 이메일</td><td colspan="2"></td></tr>
<tr><td colspan="2">⑥ Người nộp 제출인</td><td>Họ tên 성명</td><td colspan="2"></td><td colspan="2">Số chứng minh nhân dân 주민등록번호</td><td colspan="2">-</td></tr>
</table>

Hướng dẫn điền văn bản 작성방법

※ Phải khai báo trong vòng 1 tháng kể từ ngày nhận bản sao giấy phép thành lập đăng ký sổ hộ khẩu
가족관계등록창설허가결정 등본을 받은 날부터 1개월 이내에 신고하여야 합니다.

Ô ① Khai báo thành lập đăng ký sổ hộ khẩu theo nguyên tắc cơ bản bản thân của mỗi người phải khai báo thanh lập đăng ký sổ hộ khẩu cùng với giấy phép thanh lập đăng ký sổ hộ khẩu theo luật phap điều 25 khoản 2 trong ô sô hai khi điền số chứng minh nhân dân có thể bỏ qua ngày tháng năm sinh

①란 : 가족관계등록창설신고는 원칙적으로 사건본인 각자가 가족관계등록창설허가와 함께 가족관계등록창설신고를 하여야 합니다.
: 법 제25조제2항에 따라 주민등록번호란에 주민등록번호를 기재한 때에는 출생연월일의 기재를 생략할 수 있습니다.

Ô ② Trong bản khai báo này ngoài những điều đã quy định phải điền tất cả các chi tiết quan hệ đến bản thân

②란 : 이 신고서에서 정한 이외의 신분에 관한 모든 사항을 기재하여야 하며, 별지로 첨부한 가족관계등록창설허가결정서(신분표)로 대신할 수 있습니다.

Ô ④ : Điền rõ ràng các chi tiết cần thiết ở sổ hộ khẩu (bản đăng ký quan hệ gia đình)

④란 : 가족관계등록부에 기록을 분명하게 하는데 특히 필요한 사항을 기재합니다.

Ô ⑥ : Phần điền họ tên và số chứng minh nhân dân của người nộp (dù người khai báo có hay không) [nhân viên tiếp nhận hồ sơ đối chiếu với giấy chứng nhận nhân thân]

⑥란 : 제출이(신고인이 작성한 신고서를 신고인이 아닌 사람이 제출할 경우만 기재)의 성명 및 주민등록번호를 기재합니다.[접수담당공무원은 신분증과 대조]

Hồ sơ kèm theo 첨부서류

1. Bản sao quyết định cho phép thành lập đăng ký sổ hộ khẩu: 1 bản (phán quyết quyết định do trường hợp khai báo thành lập đăng ký sổ hộ khẩu: bản sao phán quyết và bản chứng thực quyết định)
가족관계등록창설허가결정 등본 1부(확정판결로 인하여 가족관계등록창서신고를 할 경우에는 판결등본 및 확정증명서)

2. Xác định nhân thân[theo điều số 23 quy chế đăng ký hộ khẩu]
- Trường hợp người khai báo có mặt : giấy chứng nhận nhân thân của người khai báo
- Trường hợp người nộp có mặt : giấy chứng nhận nhân thân của người nộp
- Trường hợp gửi qua bưu điện : bản sao giấy chứng nhận nhân thân của người khai báo

※ Nếu người báo cáo là người giám hộ trưởng thành, bạn cũng nên đính kèm bằng văn bản để chứng minh bằng cấp của người giám hộ trưởng thành ngoài các tài liệu trong mục 2.

신분확인[가족관계등록예규 443호에 의함]
- 신고인이 출석한 경우 : 신분증명서
- 제출인의 출석한 경우 : 제출인의 신분증명서
- 우편제출의 경우 : 신고인의 신분증명서 사본

※ 신고인이 성년후견인인 경우에는 2항의 서류 외에 성년후견인의 자격을 증명하는 서면도 함께 첨부해야 합니다.

khai Báo thành lập đăng ký Sổ hộ khẩu
(가족관계등록 창설신고서)

※ Hướng dẫn điền văn bản (작성방법)

■ Phải khai báo trong vòng 1 tháng kể từ ngày nhận bản sao giấy phép thành lập đăng ký sổ hộ khẩu
(가족관계등록창설허가등본을 받은 날부터 1개월 이내에 신고하여야 합니다.)

① Người thành lập đăng ký sổ hộ khẩu (가족관계등록창설자)

※ Hướng dẫn điền văn bản (작성방법)

■ Khai báo thành lập đăng ký sổ hộ khẩu theo nguyên tăc cơ bản, bản thân của mỗi người phải khai báo thành lập đăng ký sổ hộ khẩu cùng với giấy phép thành lập đăng ký sổ hộ khẩu theo luật phap điều 25 khoản 2 trong ô số hai khi điền số chứng minh nhân dân có thể bỏ qua ngày tháng năm sinh
(가족관계등록창설신고는 원칙적으로 사건본인 각자가 가족관계등록창설 허가와 함께 가족관계등록창설신고를 하여야 합니다. 법 제25조제2항에 따라 주민등록 번호란에 주민등록번호를 기재한 때에는 출생연월일의 기재를 생략할 수 있습니다.)

❖ Bản thân người thành lập đăng ký (창설자 본인)

■ Bản thân người thành lập đăng ký ghi tên bằng tiếng Hàn với chữ Hán
(창설자 본인의 성명을 한글과 한자로 쓰세요)

■ Bản thân người thành lập đăng ký ghi nguồn gốc họ tộc bằng chữ Hán
(창설자의 본을 한자로 쓰세요)

■ Giới tính của Bản thân người thành lập đăng ký 1)nam 2)nữ
(창설자의 성별을 체크하세요 1)남 2)여

■ Ngày tháng năm sinh của bản thân người thành lập đăng ký
(창설자의 출생연월일을 쓰세요

■ Nguyên quán của bản thân người thành lập đăng ký
(창설자의 등록기준지와 주소를 쓰세요)

❖ Bố mẹ của bản thân người thành lập đăng ký **창설자의 부모**

■ Họ tên và nguyên quán của bố mẹ bản thân người thành lập đăng ký
(창설자 부모의 성명과 등록기준지를 쓰세요)

■ Số chứng minh nhân dân của bố mẹ bản thân người thành lập

(창설자 부모의 주민등록번호를 쓰세요)

② Chi tiết liên quan đến bản thân (신분에 관한 사항)

※ Hướng dẫn điền văn bản (작성방법)

- Trong bản khai báo này ngoài những điều đã quy định phải điền tất cả các chi tiết quan hệ đến bản thân. bằng những tài liệu đính kèm như bản sao quyết định cho phép thành lập đăng ký sổ hộ khẩu
  (이 신고서에서 정한 이외의 신분에 관한 모든 사항을 기재하여야 하며, 별지로 첨부한 가족관계등록창설허가결정서(신분표)로 대신할 수 있습니다.)

③ Giấy phép hoặc ngày phiên tòa quyết định **(허가 또는 재판확정일자)**

- Tên tòa án và ngày tháng năm (날짜와 법원명을 쓰세요)

④ Chi tiết khác (기타사항)

※ Hướng dẫn điền văn bản (작성방법)

- Điền rõ ràng các chi tiết cần thiết ở sổ hộ khẩu (bản đăng ký quan hệ gia đình
  (가족관계등록부에 기록을 분명하게 하는데 특히 필요한 사항을 기재합니다.)

⑤ Người khai báo (신고인)

- Họ tên chữ ký và đóng dấu của người khai báo
  (신고인의 성명을 서명날인하세요)
- Số chưng minh nhân dân của người khai báo
  (신고인의 주민등록번호를 쓰세요)
- Đánh dấu quan hệ của người khai báo (신고인의 자격에 체크하세요)
  1) Bản thân 본인 2) Vợ hoặc chồng 배우자 3) Quan hệ ruột thịt 직계혈족
  4) Khác (Quan hệ :) 기타 (자격:)
- Địa chỉ số điện thoại và e-mail của người khai báo
  (신고인의 주소, 전화번호, 이메일 주소를 쓰세요)

⑥ Người nộp (제출인)

※ Hướng dẫn điền văn bản (작성방법)

- Phần điền họ tên và số chứng minh nhân dân của người nộp (dù người khai báo có hay không)nhân viên chấp nhận hồ sơ đối chiếu với giấy chứng nhận nhân thân
  (제출자(신고인 여부 불문)의 성명 및 주민등록번호 기재 [접수담당공무원은 신분증과 대조])
- Họ tên và số chứng minh của người nộp (제출인의 성명과 주민등록번호를 쓰세요)

❖ **Hồ sơ kèm theo 첨부서류**

1. Bản sao quyết định cho phép thành lập đăng ký sổ hộ khẩu 1 bản
(가족관계등록창설허가결정의 등본 1부)
Phán quyết quyết định do trường hợp khai báo thành lập đăng sổ hộ khẩu bản sao phán quyết và bản chứng thực quyết định
(확정판결로 인하여 가족관계등록창설신고를 할 경우에는 판결등본 및 확정증명서).

2. Xác định nhân thân 신분확인
Theo điều số 23 quy quy chế đăng ký hộ khẩu
[가족관계등록예규 제23호에 의함]

- Trường hợp người khai báo có mặt : giấy chứng nhận nhân thân của người khai
(신고인이 출석한 경우 : 신분증명서)
- Trường hợp người nộp có mặt : giấy chứng nhận nhân thân của nộp
(제출인이 출석한 경우 : 제출인의 신분증명서)
- Trường hợp gửi qua bưu điện: bản sao giấy chứng nhận nhân thân của người khai
(우편제출의 경우 : 신고인의 신분증명서 사본)